TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 69 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nha**

Bà **Nguyễn Thị Phúc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXX/HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1985

HKTT và nơi ở: Thôn E xã V, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội

* **Bị đơn:** Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

HKTT: Tổ G thị trấn Q, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

(Hiện chị T xuất cảnh đi Slovakia, không rõ địa chỉ nơi ở cụ thể)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Ngô Văn P**, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1955(Vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ G thị trấn Q, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu H trình bày như sau:

Anh với chị Ngô Thị T tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2012 tại UBND xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2015 anh H đi làm

ăn ở nước ngoài đến tháng 11/2018 anh H mới về nước. Khi về nước, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân. Đầu năm 2019 chị T bỏ đi nước ngoài không cho anh biết. Đến nay anh cũng không biết chị đi nước nào và vợ chồng không hề có thông tin gì với nhau. Anh H làm đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn vì xác định Y cảm vợ chồng không còn và hết khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Khánh D (sinh 06/9/2012) và Nguyễn Phương L (sinh 08/6/2016). Hai con chung hiện do ông bà ngoại đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh H đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con của anh cho đến khi chị T có yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng giải quyết ly hôn vắng mặt, bị đơn là chị Ngô Thị T có ý kiến như sau: Chị và anh H kết hôn với nhau và có hai con chung, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp. Chị đồng ý giải quyết ly hôn và xin được giải quyết vắng mặt vì hiện tại chị đang sinh sống tại Slovakia.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Khánh D (sinh 06/9/2012) và Nguyễn Phương L (sinh 08/6/2016). Trước khi xuất cảnh, hai con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, các con chị gửi bố mẹ chị là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Y chăm sóc và chị vẫn thường xuyên liên lạc gửi tiền về để ông bà nuôi cháu. Do các con hiện đang sinh sống ổn định với ông bà nên chị đề nghị để chị nuôi con và không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét, quyết định chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H và giải quyết ly hôn cho anh H và chị T

Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh H cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Do anh H và chị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị T có hộ khẩu thường trú tại Tổ G thị trấn Q, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đã xuất cảnh ra nước ngoài và hiện không sinh sống tại Việt Nam. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh H và chị T đều thống nhất xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không quan tâm đến nhau nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu ly hôn và được chị T nhất trí giải quyết ly hôn, do vậy chấp chận yêu cầu ly hôn của anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Khánh D (sinh 06/9/2012) và Nguyễn Phương L (sinh 08/6/2016). Trước khi xuất cảnh, hai con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, các con chị gửi bố mẹ chị là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Y chăm sóc và chị vẫn thường xuyên liên lạc gửi tiền về để ông bà nuôi cháu. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và được anh H đồng ý. Hội đồng xét xử nhận định mặc dù chị T đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con nhưng các con chung đang ăn ở ổn định với ông bà ngoại, bố mẹ chị T là ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Y cũng có ý kiến đồng ý sẽ thay mặt chị T chăm sóc các cháu. Nguyện vọng của chị T được anh H đồng ý và không có tranh chấp. Các con chung của anh H, chị T cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung.

Chị T không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con nên tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con của anh H cho đến khi con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Do anh H chị T cùng xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí*:* Anh Nguyễn Hữu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì anh H chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T, ông P, bà Y có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu H. Anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Ngô Thị T.

2. Về con chung: Chị Ngô Thị T được nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Khánh D (sinh 06/9/2012) và Nguyễn Phương L (sinh 08/6/2016). Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con của anh Nguyễn Hữu H cho đến khi các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013495 ngày 11/9/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị T, ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THA DS Tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Hồng Lam